



Chương 2:

NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*Bộ môn Kinh doanh Ngân hàng
Khoa Ngân hàng – Học viện ngân hàng*



1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ NGUỒN VỐN CỦA NHTM

1.2. VAI TRÒ NGUỒN VỐN CỦA NHTM

Cơ sở để ngân hàng tổ chức mọi hoạt động kinh doanh

Quyết định quy mô hoạt động tín dụng và các hoạt động khác của NH

Quyết định năng lực thanh toán và đảm bảo uy tín của NH trên thương trường

Quyết định năng lực cạnh tranh của NH



NỘI DUNG CHÍNH



Khái niệm, vai trò nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của NHTM



Nội dung nguồn vốn của NHTM



Các biện pháp tạo vốn của NHTM



Phương pháp xác định chi phí vốn



2. NỘI DUNG NGUỒN VỐN CỦA NHTM



Vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi



Vốn tự có



1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ NGUỒN VỐN CỦA NHTM

1.1. KHÁI NIỆM

Vốn của Ngân hàng thương mại là:

- Những giá trị tiền tệ do NHTM tạo lập hoặc huy động
- Được dùng để đầu tư, cho vay hoặc thực hiện các dịch vụ kinh doanh khác nhằm mục tiêu sinh lời

(Giáo trình Ngân hàng thương mại, 2014)



2.1. VỐN TIỀN GỬI – PHI TIỀN GỬI

	Vốn tiền gửi	Vốn phi tiền gửi
Khái niệm	Vốn tiền gửi là vốn do NHTM huy động từ các cá nhân và các tổ chức thông qua việc thực hiện các nghiệp vụ huy động, thanh toán, và các nghiệp vụ kinh doanh khác và được dùng để làm vốn kinh doanh	Vốn phi tiền gửi là nguồn vốn hình thành từ việc phát hành giấy tờ có giá và quan hệ vay mượn giữa NHTM với các tổ chức tín dụng khác và ngân hàng trung ương.
Đặc điểm	Không thuộc sở hữu của ngân hàng thương mại	Không thuộc sở hữu của ngân hàng thương mại
	Ngân hàng kém chủ động trong việc tạo lập	Ngân hàng chủ động hơn trong việc tạo lập
	Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của NH	Chiếm tỷ trọng nhỏ hơn so với vốn huy động

2.1. VỐN TIỀN GỬI – PHI TIỀN GỬI

- Thành phần vốn tiền gửi
 - ✓Tiền gửi không kỳ hạn
 - ✓Tiền gửi có kỳ hạn
 - ✓Tiền gửi tiết kiệm

2.2. VỐN TỰ CÓ

- Đặc điểm
 - ✓Tỷ trọng thấp
 - ✓Tính ổn định cao

2.1. VỐN TIỀN GỬI – PHI TIỀN GỬI

- Thành phần phi vốn tiền gửi
 - ✓Vốn thông qua phát hành giấy tờ có giá : Kỳ phiếu ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi...
 - ✓Vốn đi vay: Vay từ Ngân hàng trung ương, vay từ các tổ chức tín dụng khác)
 - ✓Vốn phi tiền gửi khác: Hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng (Vốn trong thanh toán, nghiệp vụ đại lý...)

2.2. VỐN TỰ CÓ

- Vai trò
 - ✓Đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng
 - ✓Quyết định năng lực cạnh tranh của ngân hàng

2.2. VỐN TỰ CÓ

- Khái niệm:

Khía cạnh quản lý: Vốn tự có của Ngân hàng bao gồm:

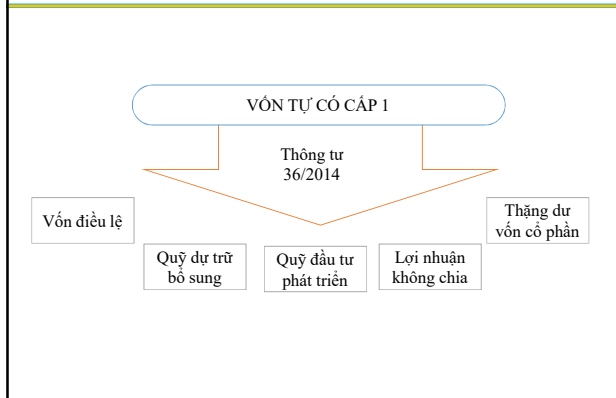
 - ✓Vốn tự có cấp 1
 - ✓Vốn tự có cấp 2

Khía cạnh kinh tế: Vốn tự có là những giá trị tiền tệ do NH tạo lập và thuộc sở hữu riêng có của NHTM

2.2. VỐN TỰ CÓ

- Thành phần

2.2. VỐN TỰ CÓ



3. CÁC BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM

- 3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến biện pháp tạo vốn của NHTM
- 3.2 Biện pháp tạo vốn tiền gửi và phi tiền gửi
- 3.3 Biện pháp tạo vốn tự có

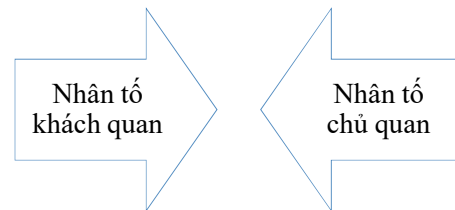
2.2. VỐN TỰ CÓ

•Vốn điều lệ

NHTM Nhà nước Ngân sách Nhà nước cấp phát	NHTM Cổ phần Do các cổ đông đóng góp: -CP thường -CP ưu đãi	NH liên doanh Vốn góp là giữa NH trong và ngoài nước	Chi nhánh NH nước ngoài NH mẹ ở nước ngoài bỏ vốn ra để thành lập
---	---	--	---

Giá trị thực của vốn điều lệ (thông tư 36):						
Giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp	=	Vốn điều lệ thực góp, vốn được cấp	+	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý)	+	Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế

3.1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM



2.2. VỐN TỰ CÓ

•Vốn tự có cấp 2

- 50% phần giá trị tăng thêm của TSCĐ được định giá lại theo Quy định của PL
- 40% giá trị tăng thêm của các loại chứng khoán đầu tư được định giá lại
- Trái phiếu chuyển đổi hoặc TP ưu đãi do TCTD phát hành thỏa mãn điều kiện theo quy định của PL.
- Các công cụ nợ khác thỏa mãn điều kiện theo luật định
- Dự phòng chung :0.75% giá trị khoản vay
- Quỹ dự phòng tài chính.

3.1.1. NHÂN TỐ KHÁCH QUAN

- Hành lang pháp lý
- Yếu tố kinh tế
- Yếu tố chính trị
- Yếu tố xã hội
- Yếu tố tâm lý và thói quen tiêu dùng....

3.1.2. NHÂN TỐ CHỦ QUAN

- Sản phẩm và mạng lưới;
- Lãi suất và dịch vụ gia tăng giá trị;
- Chất lượng phục vụ, dịch vụ...
- Cơ sở vật chất, công nghệ ngân hàng
- Đội ngũ nhân sự
- Danh tiếng ngân hàng
-

3.2.1. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI

- **Biện pháp kinh tế: xây dựng chính sách lãi suất phù hợp**
 - Phương pháp xác định lãi suất phù hợp với thời hạn huy động
 - Phương pháp thâm nhập thị trường
 - Phương pháp định giá có điều kiện bằng việc thiết lập biểu phí
 - Phương pháp định giá tiền gửi dựa trên toàn bộ mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng

3.2. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI VÀ PHI TIỀN GỬI

3.2.1. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI

3.2.1. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI

- **Biện pháp kỹ thuật**
 - Tổ chức tốt mạng lưới thu hút vốn được nhanh chóng, thuận tiện
 - Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng
 - Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ
 - ...

3.2. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI VÀ PHI TIỀN GỬI

3.2.1. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI

Động cơ
gửi tiền
của
khách
hàng là
gì???

Biện pháp kinh tế

Biện pháp kỹ thuật

Biện pháp tâm lý

3.2.1. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TIỀN GỬI

- **Biện pháp tâm lý**
 - Duy trì và củng cố uy tín của Ngân hàng đối với khách hàng
 - Tìm hiểu KH để thỏa mãn nhu cầu của họ
 - Lựa chọn khách hàng “mục tiêu”

3.2.2. BIỆN PHÁP TẠO VỐN PHI TIỀN GỬI

- Nâng cao uy tín, vị thế của ngân hàng
- Có chiến lược phát hành giấy tờ có giá phù hợp

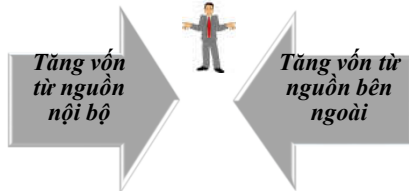
3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ

•Đặc điểm

Bị giới hạn bởi quy mô

Ngân hàng chủ động, không tốn chi phí phát hành CP,TP

3.3. BIỆN PHÁP TẠO VỐN TỰ CÓ



3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ

•Nội dung

Tỷ lệ tăng trưởng vốn nội bộ

$$ICGR = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn tự có}} \times 100\%$$

3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ

•Bản chất



Tăng vốn tự có từ nguồn nội bộ là việc Ngân hàng sử dụng một phần từ lợi nhuận sau thuế để tăng vốn tự có

3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ

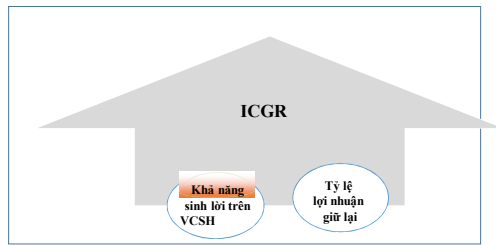
•Phân tích Dupont

$$ICGR = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn tự có}} \times 100\%$$

$$ICGR = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn tự có}} \times \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Lợi nhuận ròng}} \times 100\%$$

$$ICGR = ROE \times \text{Tỷ lệ LN giữ lại}$$

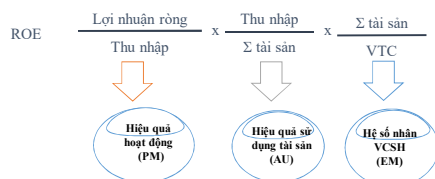
3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ



3.4. CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VỐN

- 1 Xác định chi phí quá khứ bình quân
- 2 Xác định chi phí vốn dự tính bình quân gia quyền
- 3 Phương pháp xác định chi phí biên

3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN NỘI BỘ



3.4.1. XÁC ĐỊNH CHI PHÍ QUÁ KHỨ BÌNH QUÂN

Cơ chế: Nhằm vào việc xác định chi phí vốn của NH trong quá khứ và trả lời cho câu hỏi NH đã sử dụng những nguồn vốn nào và chi phí của chúng là bao nhiêu.

$$\text{Tỷ lệ chi phí trả lãi bq} = \frac{\text{CF trả lãi}}{\text{NV huy động và đi vay}}$$

3.3.1. TẠO VỐN TỰ CÓ TỪ NGUỒN BÊN NGOÀI

Bản chất

Ngân hàng phát hành chứng khoán trên thị trường để thu hút các nhà đầu tư góp vốn

Đặc điểm

- ✓ Không bị giới hạn về quy mô
- ✓ Phụ thuộc diễn biến thị trường
- ✓ Ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông hiện hữu
- ✓ Tồn kém chi phí

3.4.1. XÁC ĐỊNH CHI PHÍ QUÁ KHỨ BÌNH QUÂN

$$\text{Tỷ lệ chi phí hòa vốn bq} = \frac{\text{Tổng chi phí trả lãi và chi phí khác}}{\text{Tổng tài sản sinh lợi}}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí bq sau thuế} = \frac{\text{Tổng CF trả lãi và CF khác}}{\text{Tổng TS sinh lợi}} + \frac{\text{ROE x Vốn tự có}}{(1-t) \times \text{Tài sản sinh lợi}}$$

3.4.2. XÁC ĐỊNH CHI PHÍ BÌNH QUÂN GIA QUYỀN

Cơ chế: Xác định trên cơ sở mức chi phí của từng nguồn vốn kinh doanh (sau khi điều chỉnh tỷ lệ dự trữ của NH) có tính đến cơ cấu nguồn vốn

Công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí vốn bq gia quyền} = \sum \frac{R_k \times I_k}{A \times r_k}$$

R_k : Số vốn huy động từ nguồn k
 I_k : Tỷ lệ chi phí trả lãi và ngoài lãi
 A : Tổng nguồn vốn
 r_k : Tỷ lệ % vốn được phép sử dụng

3.4.3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ BIÊN

Vấn đề đặt ra: Biến động thường xuyên của lãi suất làm cho chi phí trung bình trở nên thiếu tin cậy để xác định lãi suất tiền gửi

Phương pháp xác định chi phí biên:

Khái niệm:

- Chi phí biên là chi phí tăng thêm mà ngân hàng phải trả để huy động thêm vốn (đồng vốn huy động cuối cùng)
- Thu nhập biên là thu nhập tăng thêm khi NH cho vay thêm một đồng vốn

Tỷ lệ chi phí biên = $\frac{\text{Chi phí tăng thêm}}{\text{NV huy động tăng thêm}}$
 Chi phí tăng thêm = $LS_{\text{cũ}} \times NV_{\text{lãi suất cũ}} - LS_{\text{mới}} \times NV_{\text{lãi suất mới}}$
 NV huy động tăng thêm = $NV_{\text{lãi suất cũ}} - NV_{\text{lãi suất mới}}$

HỎI - ĐÁP